

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VƯỢT HÀNG RÀO PHI THUẾ QUAN NHẪM THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM SANG NHẬT BẢN

LÊ THANH SƠN
Trường Đại học Ngoại thương

Nhận bài ngày 10/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 15/01/2026.

Abstract

The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP), signed on March 8, 2018, has created favorable tariff conditions for Vietnam's shrimp exports to the Japanese market. However, as tariff barriers are progressively reduced, non-tariff measures—particularly stringent regulations concerning quality standards, food safety, and traceability—have increasingly emerged as significant challenges for Vietnamese shrimp exporters. In this context, the article analyzes key non-tariff barriers imposed by Japan on shrimp imports from Vietnam and proposes policy- and firm-level solutions to address these constraints. These recommendations aim to enhance the effectiveness and sustainability of Vietnam's shrimp exports to the Japanese market.

Keywords: Japan, non-tariff barriers, shrimp exports, sustainability, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại ngày càng sâu rộng, các biện pháp thuế quan và hạn ngạch theo quy định của WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTAs) dần bị loại bỏ. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước phát triển đã chuyển sang sử dụng các hàng rào phi thuế quan ngày càng phức tạp nhằm bảo hộ sản xuất trong nước [6]. Các biện pháp này thường được che giấu dưới các mục tiêu phi thương mại như bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, an ninh lương thực hoặc môi trường khiến chúng trở nên khó nhận diện và khó đối phó hơn.

Nhật Bản là một trong những thị trường xuất khẩu tôm quan trọng của Việt Nam. Việc ký kết các hiệp định như Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôm Việt Nam tiếp cận thị trường Nhật Bản thông qua cắt giảm thuế quan và mở rộng thương mại. Tuy nhiên, song song với quá trình tự do hóa này, Nhật Bản cũng ngày càng siết chặt các hàng rào phi thuế quan, đặc biệt trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch thủy sản.

Với hệ thống tiêu chuẩn nghiêm ngặt về dư lượng kháng sinh và hóa chất, tôm Việt Nam thường xuyên bị đưa vào diện giám sát cao. Nhiều lô hàng xuất khẩu sang Nhật Bản đã bị cảnh báo hoặc kiểm tra tăng cường do vi phạm các quy định về dư lượng cho phép. Trước những yêu cầu ngày càng khắt khe này, các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng duy trì và mở rộng thị phần tại thị trường Nhật Bản.

2. Khái quát hoạt động xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Nhật Bản

Qua nghiên cứu cho ta số liệu ở bảng 1.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Nhật Bản giai đoạn 2019-2024 (Đơn vị: triệu USD)

Năm	Tổng kim ngạch thủy sản xuất khẩu sang Nhật Bản	Kim ngạch tôm	Tỷ trọng (%)
2019	1.462	654,4	44,8

Email: lethanhson1091@gmail.com

2020	1.422	608,2	42,8
2021	1.326	578,3	43,6
2022	1.707	672,4	39,4
2023	1.500	511,1	34,1
2024	1.522	517,0	34,0

(Nguồn: Tổng hợp từ VASEP - Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam năm 2025)

Qua bảng 1 có thể thấy tôm là mặt hàng xuất khẩu chính tại thị trường Nhật Bản, kim ngạch xuất khẩu tôm chiếm đến 35 - 45% trong tổng kim ngạch thủy sản xuất khẩu Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2019-2024. Năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu tôm sang Nhật Bản có sự giảm sút do nước ta phải hứng chịu sự thiệt hại nặng nề về kinh tế bởi làn sóng Covid-19 lần thứ 4, ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, có gần 50% các nhà máy chế biến thủy sản phải đóng cửa, 50% còn lại được tiến hành hoạt động sản xuất nhưng chỉ được phép hoạt động với 30% công suất.

Sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong giai đoạn 2023-2024 chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là việc thị trường này ngày càng siết chặt các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm. Nhật Bản áp dụng các yêu cầu nghiêm ngặt về dư lượng kháng sinh, truy xuất nguồn gốc và sản xuất bền vững, buộc doanh nghiệp Việt Nam phải gia tăng chi phí đầu tư và tuân thủ, từ đó làm giảm khả năng cạnh tranh về giá. Bên cạnh đó, tình trạng dư cung tôm trên thị trường quốc tế, đặc biệt từ các đối thủ như Ecuador và Ấn Độ đã tạo áp lực lớn lên giá tôm xuất khẩu. Trong bối cảnh kinh tế Nhật Bản phục hồi chậm và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, nhu cầu nhập khẩu tôm giảm, góp phần làm suy giảm kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

3. Hàng rào phi thuế quan của Nhật Bản đối với thủy sản nhập khẩu và thực trạng áp dụng đối với tôm Việt Nam

3.1. Khái quát hàng rào phi thuế quan của Nhật Bản đối với thủy sản nhập khẩu

Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS): Vi phạm phổ biến nhất trong nhóm này là dư lượng kháng sinh và vi sinh vật vượt mức cho phép, do đó Nhật Bản quy định chi tiết các chỉ tiêu an toàn đối với từng nhóm sản phẩm như tôm, cá tươi, hải sản đông lạnh, sashimi, sản phẩm chế biến và bánh cá. Các lô hàng không đạt tiêu chuẩn sẽ bị trả lại hoặc tiêu hủy, đồng thời các vi phạm được công bố công khai, làm gia tăng áp lực đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Hàng rào kỹ thuật (TBT) được thể hiện rõ qua các quy định về dán nhãn thực phẩm: Tất cả thủy sản nhập khẩu vào Nhật Bản phải có nhãn bằng tiếng Nhật, thể hiện đầy đủ thông tin về thành phần, xuất xứ, hạn sử dụng, cảnh báo dị ứng, cách bảo quản và nhà nhập khẩu [4, tr. 13]. Ngoài ra, các mô tả gây hiểu nhầm hoặc sai lệch về sản phẩm đều bị cấm và bao bì phải có nhãn hướng dẫn phân loại rác nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ môi trường và quản lý chất thải.

Quy tắc xuất xứ: Các sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu vào Nhật Bản đều phải ghi nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cụ thể trên bao bì của sản phẩm phải có nhãn xuất xứ. Theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và nhãn mác hàng nông lâm sản, yêu cầu tên nước xuất xứ (hoặc có thể cung cấp thêm tên của vùng biển) phải được ghi rõ trên nhãn của thủy sản nhập khẩu [5, tr. 18]. Ngoài ra, Luật này cũng quy định về việc ghi nhãn xuất xứ đối với sản phẩm thủy sản chế biến. Các thông tin về xuất xứ cần được ghi trong ngoặc đơn trong danh mục thành phần dinh dưỡng (nhằm chỉ rõ xuất xứ của mỗi loại thành phần) hoặc ghi tên nước xuất xứ trong một vị trí cụ thể trên nhãn.

Quy định về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn tự nguyện, nổi bật là nhãn sinh thái Ecomark và hệ thống chứng nhận JAS, đặc biệt là JAS hữu cơ: Các nhãn này không chỉ ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng Nhật Bản mà còn đóng vai trò như công cụ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế cho sản phẩm thủy sản. Đồng thời, Luật Trách nhiệm sản phẩm của Nhật Bản buộc nhà nhập khẩu phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu sản phẩm gây hại cho người tiêu dùng, qua đó gián tiếp siết chặt việc lựa chọn và kiểm soát nguồn hàng nhập khẩu.

Có thể thấy, hệ thống rào cản phi thuế quan của Nhật Bản đối với thủy sản rất đa tầng, kết hợp giữa các quy định bắt buộc và tiêu chuẩn tự nguyện. Những biện pháp này vừa nhằm bảo vệ người tiêu dùng và môi trường, vừa tạo ra áp lực lớn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam, đặc biệt là trong việc tuân thủ tiêu chuẩn, kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc khi tiếp cận thị trường Nhật Bản.

3.2. Thực trạng áp dụng hàng rào phi thuế quan của Nhật Bản đối với tôm Việt Nam

Thực tế cho thấy, mặt hàng tôm của Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản giai đoạn 2019-2024 thì phần lớn bị vướng mắc ở những quy định về dư lượng kháng sinh. Dư lượng kháng sinh là tình trạng kháng sinh vẫn còn trong thực phẩm như thịt, cá, tôm, trứng, sữa ở dạng nguyên chất hay đã chuyển hóa, vì thế có thể gây tác hại đối với người sử dụng. Nguyên nhân gây ra hiện tượng dư lượng kháng sinh là do việc không tuân thủ quy định về sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng, chế biến nông thủy sản, thực phẩm, chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật; sử dụng các chất kích thích sinh trưởng, thuốc thú y trong chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục cho phép; sử dụng kháng sinh để bảo quản thực phẩm. Mặc dù cả phía Nhà nước và doanh nghiệp đã rất nỗ lực và có những biện pháp mạnh để kiểm soát vấn đề dư lượng kháng sinh nhưng số lô hàng tôm bị cảnh báo vẫn còn mức cao, chủ yếu là mấy chất kháng sinh: Enrofloxacin, Oxytetracycline, Chloramphenicol, Sulfamethoxazole và Sulfadiazine [3].

Như vậy, tình trạng tôm nhiễm dư lượng kháng sinh của Việt Nam đã xảy ra từ rất lâu, khoảng hơn 10 năm nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa giải quyết triệt để được vấn đề này, cứ hết chất kháng sinh này lại đến chất kháng sinh khác, mặc dù phía Nhà nước đã có những chỉ đạo kịp thời, đồng thời phía doanh nghiệp xuất khẩu tôm đã chủ động áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point) hay tiêu chuẩn Thực hành sản xuất tốt (GMP) [1]. Hiện nay, bên phía Nhật Bản vẫn chưa có một động thái nào chính thức rằng sẽ gỡ bỏ hoặc nới lỏng việc kiểm tra dư lượng kháng sinh đối với tôm Việt Nam, thậm chí một số chuyên gia còn cho rằng, tương lai, Nhật Bản sẽ càng ngày siết chặt vấn đề dư lượng kháng sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm với tôm Việt Nam. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam cần phải lường trước những rào cản mà Nhật có thể sẽ đặt ra trong thời gian tới để xây dựng những chiến lược kinh doanh phù hợp, chủ động đối phó những rào cản đó nhằm giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu đầy tiềm năng này

4. Một số giải pháp giúp Việt Nam vượt qua hàng rào phi thuế quan đối với tôm xuất khẩu tại thị trường Nhật Bản

4.1. Từ phía Nhà nước

Hoàn thiện các văn bản pháp luật của ngành thủy sản: Nhà nước cần rà soát, hoàn thiện, bổ sung, chỉnh sửa Luật Thủy sản của Việt Nam cũng như các văn bản pháp lý đối với ngành thủy sản để phù hợp với bối cảnh mới. Đặc biệt, cần phải sửa đổi lại các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) đối với hàng thủy sản xuất khẩu. Hiện nay, nội dung về ATVSTP đối với hàng thủy sản xuất khẩu được quy định tại rất nhiều các văn bản pháp luật thuộc nhiều hệ thống luật khác nhau gây ra sự chồng chéo, thiếu tính thống nhất thậm chí là mâu thuẫn. Ví dụ, nội dung về ATVSTP đối với hàng thủy sản xuất khẩu được quy định tại Luật Thương mại, đồng thời cũng quy định tại Luật An toàn thực phẩm; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chế tài xử phạt: Đối với các trường hợp vi phạm ATVSTP, nếu cần thiết phải đưa ra các chế tài đủ nghiêm, đủ mạnh để răn đe đối với người nuôi trồng thủy sản nói riêng và các cơ sở nuôi trồng thủy sản nói chung nếu vi phạm nhiều lần về ATVSTP. Hiện nay, theo Nghị định 124/2021/NĐ-CP, mức phạt hành chính tối đa về vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm là 100.000.000 đồng đối với cá nhân, 200.000.000 đồng với tổ chức. Có thể thấy, mức xử phạt này là chưa đủ mạnh, phải có những chế tài mạnh hơn nữa như thu hồi giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản hay cấm hoạt động sản xuất vĩnh viễn bởi chỉ có như vậy chất lượng hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam mới được nâng cao trên thị trường quốc tế.

Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng hóa chất và chất kháng sinh độc hại trong nuôi trồng thủy sản tại các hộ dân cũng như tại các cơ sở sản xuất: Hiện nay đã xuất hiện những trường hợp như công nhân làm việc tại nhà máy chế biến tôm đã bôi kem tay và khi đến công đoạn bóc vỏ tôm thì đã vô tình làm sản phẩm bị nhiễm chất kháng sinh có ở trong kem bôi tay. Bởi vậy, phải tăng cường giám sát các khâu trong quá trình chế biến tại các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu. Thực tế đã chỉ ra rằng, việc nhiễm kháng sinh trong các sản phẩm tôm đem đi xuất khẩu đều đa phần nằm ở khâu nuôi trồng, chính. Do đó, các cơ quan chức năng cùng với cơ quan chuyên môn cần phải nhanh chóng phổ biến một cách rộng rãi cho các cơ sở nuôi trồng tôm về loại kháng sinh nào bị cấm sử dụng trong chăn nuôi, loại kháng sinh nào được phép sử dụng trong chăn nuôi nhưng không được vượt mức cho phép có trong tôm mà bên phía Nhật Bản quy định.

Chú trọng, đẩy mạnh công tác quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản xuất khẩu: Như đã nói ở trên, ở nước ta, người dân nuôi trồng thủy sản còn mang tính tự phát hay các cơ sở nuôi trồng thủy sản thì không có quy mô lớn, phân tán dẫn đến những thiệt hại lớn trong nuôi trồng thủy sản, thậm chí là gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Các vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản phải được đảm bảo về nguồn nước sạch, không để xảy ra việc ô nhiễm từ môi trường bên ngoài. Hơn thế, các vùng quy hoạch này phải có quy mô đủ lớn để dễ dàng áp dụng khoa học - công nghệ trong nuôi trồng, để kiểm soát việc sử dụng thức ăn, các chất kháng sinh, kỹ thuật nuôi và xây dựng hệ thống điện, nước. Nguồn nước dùng trong chăn nuôi phải được xử lý trước qua hệ thống sau đó mới được dẫn vào ao nuôi, còn nguồn nước thải cũng phải được xử lý qua hệ thống, nghiêm cấm việc xả thẳng ra môi trường sẽ dẫn đến làm ô nhiễm các vùng nuôi trồng khác.

Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản sạch và tiến tới là xây dựng mô hình nuôi trồng sạch với từng đối tượng thủy sản như tôm, cá tra, cá ngừ, mực: Để thực hiện được tốt vấn đề trên phải có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng với đối tượng tham gia vào khâu nuôi trồng thủy sản như: Cá nhân hoặc cơ sở nuôi trồng, bên cung cấp con giống, bên cung cấp thức ăn và bên cung cấp thuốc dùng trong nuôi trồng. Mỗi đối tượng này phải cam kết thực hiện một cách nghiêm túc và nếu vi phạm sẽ có những chế tài xử lý phù hợp tùy thuộc vào mức độ vi phạm. Hơn thế, để có thể xây dựng được các mô hình nuôi trồng thủy sản sạch, Nhà nước cần chủ động, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở nuôi trồng thực hiện theo quy trình GAP (Good Agricultural Practices) và nếu vùng nuôi nào đạt tiêu chuẩn thì sẽ cấp giấy chứng nhận. Nếu xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản sạch thì chắc chắn các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ vượt qua được các HRPTQ của Nhật Bản.

Thường xuyên kiểm tra công tác ATVSTP, kiểm dịch tại các vùng nuôi: Trong trường hợp phát hiện ra mầm bệnh phải ngay lập tức tìm cách ngăn chặn lây lan, giảm thiểu dịch bệnh đến các vùng nuôi khác. Chịu trách nhiệm kiểm dịch tại các vùng nuôi là Cục Quản lý Chất lượng nông lâm và thủy sản, cơ quan này phải thực hiện kiểm tra việc các cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng kháng sinh trong chăn nuôi. Cụ thể, đối với sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, cần kiểm tra trong tôm không được phép dùng Trifluralin, AOZ, Chloramphenol và phải kiểm tra được dư lượng kháng sinh (Ethoxyquin, Ciprofloxacin,...) được phép có trong tôm mà bên phía Nhật Bản quy định. Tuy nhiên, kiểm tra phải tiến hành trước khi thu hoạch, nếu phát hiện ra cơ sở nuôi trồng có sản phẩm nuôi không đạt chất lượng thì phải nhanh chóng lập danh sách gửi cho các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu, từ đó họ sẽ lựa chọn các cơ sở nuôi trồng để có nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng nhất.

Tổ chức các buổi hội thảo, các cuộc đối thoại có sự tham gia của Chính phủ, cơ quan chuyên môn hai nước và doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam: Chính phủ hai nước phải thường xuyên tổ chức các hội thảo nhằm hỗ trợ, phổ biến trong việc cung cấp các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với mặt hàng thủy sản tại thị trường Nhật Bản giúp các doanh nghiệp nhanh chóng nắm bắt, từ đó chủ động sản xuất cũng như xuất khẩu. Đồng thời, có thể phổ biến, cung cấp thông tin các quy định về nhập khẩu thủy sản của thị trường Nhật Bản thông qua nhiều kênh khác nhau. Hiện nay, trên những trang web chính thức của Bộ Công thương, VASEP hay Cục Xúc tiến thương mại có cung cấp thông tin về giá trị nhập khẩu các mặt hàng thủy sản, quy định nhập khẩu thủy sản, giá mặt hàng thủy sản tại Nhật Bản

nhưng các thông tin này hiện vẫn chưa được cập nhật đầy đủ và kịp thời.

Thành lập trung tâm xúc tiến thương mại Việt Nam tại Nhật Bản để hỗ trợ và giúp đỡ các doanh nghiệp của Việt Nam liên quan tới hoạt động xuất khẩu: Các hiệp hội thủy sản và chính quyền địa phương bên Việt Nam cần phải phối hợp tích cực với trung tâm xúc tiến thương mại Việt Nam tại Nhật Bản để cung cấp thông tin 2 chiều kịp thời nhất, qua đó hạn chế các tác động tiêu cực từ các hàng rào phi thuế quan mang lại, đồng thời các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sẽ chủ động hơn trong việc xây dựng chiến lược xuất khẩu. Hơn thế, Nhà nước nên hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản sang công tác tại Nhật Bản để khảo sát thực tế thị trường và trao đổi, tiếp xúc với các cơ quan quản lý nhập khẩu, từ đó các doanh nghiệp có cái nhìn thực tế về những quy định của thị trường này.

4.2. Từ phía doanh nghiệp xuất khẩu và Hiệp hội Thủy sản

Đẩy mạnh liên kết với các cơ sở nuôi trồng: Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp chế biến tôm xuất khẩu cần đẩy mạnh việc liên kết với các cơ sở nuôi trồng đang áp dụng mô hình nuôi trồng tôm sạch (được Nhà nước cấp giấy chứng nhận): Không thu mua hoặc hạn chế tối đa việc thu mua từ bên trung gian thứ ba như đại lý thu mua, thương lái bởi mình sẽ không biết họ đã làm gì với nguồn nguyên liệu này. Trong hợp đồng thu mua được ký trực tiếp với các cơ sở nuôi trồng sẽ có ràng buộc về nghĩa vụ mà bên nuôi trồng phải nghiêm túc thực hiện như cam kết không tùy tiện bán cho thương lái sau khi thu hoạch, không sử dụng chất kháng sinh hay hóa chất trong khâu nuôi trồng, phải cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới hoạt động nuôi trồng: con giống, thức ăn, nguồn nước, thuốc thú y, nhật ký nuôi,... Ngoài ra, các doanh nghiệp chế biến tôm xuất khẩu có thể tự xây dựng một vùng nuôi trồng tôm riêng để kiểm soát an toàn dịch bệnh, ATVSTP và chủ động hơn về nguồn nguyên liệu cho chế biến.

Tìm hiểu quy trình nhập khẩu, các điều kiện về ATVSTP theo quy định của thị trường Nhật Bản: Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu nói chung và xuất khẩu tôm nói riêng phải chủ động tìm hiểu quy trình nhập khẩu, các điều kiện về ATVSTP, dư lượng kháng sinh được phép có trong sản phẩm mà thị trường Nhật Bản quy định. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần nâng cao hiểu biết về các Hiệp định đã ký kết giữa Việt Nam và Nhật Bản để nắm được những ưu đãi về thuế quan đối với mặt hàng đem đi xuất khẩu, từ đó tận dụng tối đa lợi ích. Để làm được điều này, doanh nghiệp nên tự xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên tìm hiểu, tìm kiếm thông tin trong và ngoài nước về Hiệp định hoặc thuê một đội ngũ luật sư hay các bên tư vấn về các quy định mới tại thị trường Nhật Bản. Ngoài ra, doanh nghiệp phải cử bộ phận nghiên cứu thị trường Nhật Bản đi hội nghị tập huấn của Nhà nước tổ chức về hướng dẫn tận dụng các ưu đãi mà Hiệp định mang lại.

Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point): HACCP là một phương pháp quản lý an toàn thực phẩm toàn cầu do Ủy ban Codex (Một cơ quan phối hợp của FAO và WHO) xây dựng và được quốc tế công nhận. Cụ thể hơn, HACCP có nghĩa là các nhà kinh doanh thực phẩm tự hiểu được các mối nguy như nhiễm vi khuẩn gây ngộ độc thực phẩm và nhiễm tạp chất lạ, sau đó loại bỏ các mối nguy đó trong quá trình từ khi nhập nguyên liệu đến khi vận chuyển sản phẩm hoặc đó là một phương pháp quản lý vệ sinh để đảm bảo sự an toàn của sản phẩm bằng cách kiểm soát đặc biệt các quá trình quan trọng để giảm thiểu mối nguy. Tại Nhật Bản, khi xuất khẩu các sản phẩm thủy sản sang Mỹ hay EU thì doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện HACCP. Ngoài ra, để cung cấp các sản phẩm thủy sản an toàn cho người tiêu dùng nội địa, các doanh nghiệp chế biến thủy sản Nhật Bản cũng được khuyến khích thực hiện HACCP. Chính phủ Nhật Bản luôn ủng hộ việc tổ chức các hội thảo về quản lý vệ sinh chung và quản lý vệ sinh dựa trên HACCP và phổ biến các tiêu chuẩn cơ sở cần thiết để xuất khẩu sang EU và Hoa Kỳ.

Tăng cường quản lý chất lượng từ đầu vào đến đầu ra: Doanh nghiệp chế biến tôm xuất khẩu cần chủ động trong việc quản lý chất lượng, tăng cường giám sát, kiểm tra ở tất cả các khâu từ nhập nguồn nguyên liệu đầu vào, khâu bảo quản, khâu chế biến cho đến khâu đóng gói bao bì. Đối với khâu nhập nguồn nguyên liệu đầu vào phải thu mua từ các cơ sở áp dụng mô hình nuôi trồng tôm sạch, quan

trọng nhất trong khâu này là phải thực hiện lấy mẫu kiểm tra về hóa chất, chất kháng sinh đối với tất cả lô nguyên liệu nhập vào nhà máy. Nếu phát hiện có chất cấm trong tôm sau khi thu mua thì phải loại bỏ ngay hoặc có thể trả lại toàn bộ lô hàng để rắn đe bên cung cấp nguyên liệu. Đối với khâu chế biến và sản xuất ra thành phẩm thì kiểm tra xác suất nhằm kiểm tra sản phẩm có đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, ATVSTP hay không, từ đó sẽ giảm thiểu rủi ro trong quá trình xuất khẩu sang thị trường Nhật.

Tuyên truyền, nâng cao ý thức cho người lao động về ATVSTP: Doanh nghiệp cần thường xuyên tổ chức các chương trình để phổ biến, tuyên truyền, nâng cao ý thức cho toàn bộ công nhân làm việc trong nhà máy về vấn đề ATVSTP. Nếu phát hiện trường hợp vi phạm ATVSTP thì phải có những xử lý phù hợp và ngược lại, nếu công nhân tuân thủ tốt ATVSTP cần phải kịp thời tuyên dương, khen thưởng xứng đáng để kích thích năng suất lao động.

Áp dụng khoa học - công nghệ vào hoạt động sản xuất: Doanh nghiệp chế biến tôm xuất khẩu phải áp dụng khoa học - công nghệ vào trong hoạt động sản xuất, đầu tư trang thiết bị như máy móc, hệ thống kho lạnh để bảo quản, dây chuyền sản xuất đồng bộ để đảm bảo chất lượng. Hơn thế, doanh nghiệp cũng cần đầu tư xây dựng một phòng kiểm nghiệm để chủ động đo lường các tiêu chuẩn. Chắc chắn việc xây dựng phòng kiểm nghiệm là tốn kém nhưng xét về lâu về dài thì sẽ giảm thời gian và chi phí, bởi vì doanh nghiệp không cần gửi mẫu tại các Trung tâm Chất lượng Nông lâm Thủy sản Vùng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Mặt khác, doanh nghiệp còn kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm, đo lường tiêu chuẩn cho các doanh nghiệp khác đang có nhu cầu.

5. Kết luận

Trong thời gian tới, việc triển khai Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo thuận lợi về thuế quan, qua đó thúc đẩy xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản - một trong những thị trường nhập khẩu thủy sản quan trọng và có yêu cầu cao trên thế giới. Tuy nhiên, song song với các ưu đãi thuế quan, Nhật Bản nhiều khả năng sẽ gia tăng áp dụng các biện pháp phi thuế quan, đặc biệt là các quy định nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm, dư lượng kháng sinh và truy xuất nguồn gốc. Những yêu cầu này đặt ra không ít thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam trong quá trình tiếp cận và duy trì thị trường. Trước bối cảnh đó, các doanh nghiệp cần chủ động nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện quy trình sản xuất và tăng cường kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi giá trị. Việc đầu tư vào công nghệ, quản trị và định hướng phát triển bền vững sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tận dụng hiệu quả các cam kết của CPTPP. Đồng thời, sự hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước và các hiệp hội ngành hàng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin, định hướng và tạo điều kiện để ngành tôm Việt Nam phát triển bền vững tại thị trường Nhật Bản.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mai Thị Cẩm Tú (2015). *Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 20 (30), tháng 1+2, tr. 67-75.
- [2] Nguyễn Bích Ngọc (2015). *Cơ hội và thách thức trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh hình thành Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương*. Tạp chí Đồng Bắc Á, số 182, tháng 10, tr. 30-41.
- [3] Nguyễn Anh Thu, Đặng Thanh Phương (2014), *Nghiên cứu các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt trên các thị trường xuất khẩu chủ yếu* (Báo cáo), Hà Nội.
- [4] Phạm Thị Thùy Linh, Nguyễn Mạnh Cường (2021). *Hệ thống rào cản kỹ thuật trong thương mại thủy sản của thị trường Nhật Bản - Các giải pháp ứng phó của Việt Nam*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 63 (10), tr. 12-18.
- [5] Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản (2021). *Sổ tay quy định nhập khẩu thủy sản vào Nhật Bản*, Tokyo.
- [6] UNCTAD (2013). *Non-Tariff Measures to Trade: Economic and Policy Issues for Developing Countries*. United Nations publication.
- [7] Vasep (2024). *Báo cáo xuất khẩu thủy sản Việt Nam 2023*. Nguồn: <https://vasep.com.vn/ban-tin-bao-cao/bao-cao-xkts-viet-nam/bao-cao-xuat-khau-thuy-san-viet-nam-nam-2024-24744.html>.